

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Công văn số 14565/BTC-QLCS ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Công văn số 197/TTg-KHTH ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương như sau:

1. Về đối tượng và số lượng được trang bị xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù: Chi tiết như Phụ lục 1, 2 kèm theo.

2. Về mức giá xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù:

- Giá mua xe ô tô 07 chỗ 1 cầu tối đa không quá 720 triệu đồng/01 xe.

- Giá mua xe ô tô 07 chỗ 2 cầu, xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ tối đa không quá 1.100 triệu đồng/01 xe.

Mức giá xe ô tô quy định tại Quyết định này là mức giá tối đa của 01 xe được trang bị mới. Mức giá xe ô tô tại Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

**Điều 2.** Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được

ban hành tại Quyết định này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị:

- Thực hiện việc mua sắm, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đã ban hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

- Rà soát, ban hành Quy chế về quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và công khai, minh bạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao định mức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Tổng cục QLTT;
- Công thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TC.cucttt



**Trần Tuấn Anh**

**PHỤ LỤC 01**

(Kèm theo Quyết định số 78/QĐ-BCT ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	CHỦNG LOẠI	GHI CHÚ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>		
<b>I</b>	<b>KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC</b>	<b>8</b>		
1	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	2	xe 16 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, sinh viên đi giảng dạy, thực tập, thực hành
2	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	2	xe 16 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, sinh viên đi giảng dạy, thực tập, thực hành
3	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm	2	xe 7 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, sinh viên đi giảng dạy, thực tập, thực hành
4	Trường Đại học Điện lực	2	01 xe 7 chỗ, 01 xe 16 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, sinh viên đi giảng dạy, thực tập, thực hành
<b>II</b>	<b>KHỐI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG</b>	<b>5</b>		
1	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	1	xe 7 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, học sinh đi giảng dạy, thực tập, thực hành
2	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	1	xe 16 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, học sinh đi giảng dạy, thực tập, thực hành
3	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp	1	xe 16 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, học sinh đi giảng dạy, thực tập, thực hành
4	Trường Cao đẳng Công nghiệp thực phẩm	1	xe 7 chỗ hai cầu	Xe đưa đón giáo viên, học sinh đi giảng dạy, thực tập, thực hành
5	Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung	1	xe 12 chỗ	Xe đưa đón giáo viên, học sinh đi giảng dạy, thực tập, thực hành
<b>III</b>	<b>KHỐI VIỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>4</b>		
1	Viện Năng lượng	3	xe 7 chỗ	
2	Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại	1	xe 7 chỗ hai cầu	

**PHỤ LỤC 02**

(Kèm theo Quyết định số 788 /QĐ-BCT ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương.

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>CHỦNG LOẠI</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>200</b>	
1	Cục QLTT tỉnh An Giang	2	01 xe 7 chỗ hai cầu, 01 xe 15 chỗ
2	Cục QLTT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	4	03 xe 7 chỗ hai cầu, 01 xe 16 chỗ
3	Cục QLTT tỉnh Bắc Giang	6	05 xe 7 chỗ hai cầu, 01 xe 16 chỗ
4	Cục QLTT tỉnh Bắc Ninh	6	xe 7 chỗ hai cầu
5	Cục QLTT tỉnh Bến Tre	1	xe 16 chỗ
6	Cục QLTT tỉnh Bình Định	6	xe 7 chỗ hai cầu
7	Cục QLTT tỉnh Cà Mau	2	01 xe 16 chỗ, 01 xe 7 chỗ hai cầu
8	Cục QLTT TP Đà Nẵng	8	07 xe 7 chỗ 1 cầu, 01 xe 8 chỗ
9	Cục QLTT tỉnh Đắk Lắk	4	03 xe 7 chỗ hai cầu, 01 xe 16 chỗ
10	Cục QLTT tỉnh Điện Biên	1	xe 7 chỗ hai cầu
11	Cục QLTT tỉnh Đồng Nai	1	xe 7 chỗ một cầu
12	Cục QLTT tỉnh Gia Lai	16	xe 7 chỗ hai cầu
13	Cục QLTT tỉnh Hà Giang	8	xe 7 chỗ hai cầu
14	Cục QLTT tỉnh Hà Nam	1	xe 7 chỗ một cầu
15	Cục QLTT TP Hà Nội	30	xe 7 chỗ hai cầu
16	Cục QLTT tỉnh Hải Dương	4	03 xe 7 chỗ một cầu, 01 xe 16 chỗ
17	Cục QLTT tỉnh Hậu Giang	1	xe 7 chỗ hai cầu
18	Cục QLTT TP Hồ Chí Minh	2	xe 16 chỗ
19	Cục QLTT tỉnh Hòa Bình	6	xe 7 chỗ hai cầu
20	Cục QLTT tỉnh Hưng Yên	6	xe 7 chỗ một cầu
21	Cục QLTT tỉnh Khánh Hòa	6	02 xe 7 chỗ hai cầu, 04 xe 7 chỗ một cầu

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>CHỦNG LOẠI</b>
22	Cục QLTT tỉnh Kon Tum	4	xe 7 chỗ hai cầu
23	Cục QLTT tỉnh Lai Châu	6	xe 7 chỗ hai cầu
24	Cục QLTT tỉnh Lạng Sơn	10	xe 7 chỗ hai cầu
25	Cục QLTT tỉnh Nghệ An	12	xe 7 chỗ hai cầu
26	Cục QLTT tỉnh Ninh Thuận	1	xe 16 chỗ
27	Cục QLTT tỉnh Phú Yên	8	xe 7 chỗ hai cầu
28	Cục QLTT tỉnh Quảng Bình	1	xe 16 chỗ
29	Cục QLTT tỉnh Quảng Ngãi	1	xe 7 chỗ hai cầu
30	Cục QLTT tỉnh Quảng Ninh	16	xe 7 chỗ hai cầu
31	Cục QLTT tỉnh Quảng Trị	4	xe 7 chỗ hai cầu
32	Cục QLTT tỉnh Sóc Trăng	1	xe 7 chỗ một cầu
33	Cục QLTT tỉnh Thái Bình	4	xe 7 chỗ hai cầu
34	Cục QLTT tỉnh Thanh Hóa	4	xe 9 chỗ một cầu
35	Cục QLTT tỉnh Vĩnh Phúc	4	03 xe 7 chỗ hai cầu, 01 xe 16 chỗ
36	Cục QLTT tỉnh Yên Bái	3	xe 7 chỗ hai cầu